

121. KINH TIỂU KHÔNG (*Cūlasuññata Sutta*)¹

176. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), tại Đông Viên (Pubbārāma), giảng đường Lộc Mẫu (Migāramātu). Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Một thời, bạch Thế Tôn, Thế Tôn trú giữa các Sakka (Thích-ca). Nagaraka là tên một thị trấn của các Sakka. Tại đấy, bạch Thế Tôn, con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được ghi nhớ trước mặt [Thế Tôn] như sau: “Này Ānanda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều.”² Phải chăng, bạch Thế Tôn, điều con đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng?

– Thật vậy, này Ānanda, điều ông đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng. Thuở xưa và nay, này Ānanda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều. Ví như, lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không phải không, tức là sự nhất trí³ do duyên chúng Tỷ-kheo;⁴ cũng vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý thôn tưởng, không tác ý nhân tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên lâm tưởng;⁵ tâm của vị ấy được thích thú,⁶ hân hoan, an trú, hướng đến⁷ lâm tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên thôn tưởng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên nhân tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tưởng này không có thôn tưởng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tưởng này không có nhân tưởng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng.” Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này

¹ Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Tiểu không kinh* 小空經 (T.01. 0026.190. 0736c27).

² Xem *M. III. 294*; *Vin. II. 304*; *PC. 142*, n. 4 và *BSP. 91*, n. 2.

³ *Ekatta*: Nhất thống, nhất trí. *MA. IV. 151* sử dụng thuật ngữ *ekabhāva*.

⁴ *Bhikkhusaṅghaṃ paṭicca ekattaṃ*.

⁵ Vị ấy tác ý đến một khu rừng đặc biệt và nghĩ: “Đây là khu rừng, đây là gốc cây, đây là sườn núi, đây là khóm cây.” Xem *MA. IV. 151*.

⁶ *Pakkhandati*: Nhảy tới, phóng tới. *MA. IV. 151* sử dụng thuật ngữ *otarati*, có nghĩa là đi sâu vào. Tham khảo: *M. I. 186*; *MiIn. 326*.

⁷ Nguyên bản viết *vimuccati*. Các bản *Chú giải* viết *adhimuccati*.

có.” Như vậy, này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh (*suññatāvakkanti*).

177. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý nhân tướng, không tác ý lâm tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tướng. Ví như, này Ānanda, tấm da con bò đực được căng thẳng trên một trăm cọc gỗ, đặc tánh tấm da được đoạn trừ (*vigatavalika*); cũng vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý đối với tất cả vật gì trên đất này: Đất khô và vùng lầy,⁸ sông và vùng lầy,⁹ các cây có thân và có gai, núi và đất bằng, vị ấy tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tướng. Vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên nhân tướng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên lâm tướng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên địa tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có nhân tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có lâm tướng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên địa tướng.” Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có.” Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

178. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý lâm tướng, không tác ý địa tướng, tác ý sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Không vô biên xứ. Vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên lâm tướng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có lâm tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có địa tướng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng.” Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: “Cái kia có, cái này có.” Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

179. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý địa tướng, không tác ý Không vô biên xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tướng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Thức vô biên xứ. Vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tướng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có địa tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Không vô biên xứ tướng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tướng.” Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy

⁸ *Ukkūlavikkūla*, như A. I. 35. MA. IV. 153 giải thích là đất khô và đất sũng nước.

⁹ Như A. I. 35.

xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có.” Nay Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

180. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý Không vô biên xứ tướng, không tác ý Thức vô biên xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô sở hữu xứ. Vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tướng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tướng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Không vô biên xứ tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Thức vô biên xứ tướng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng.” Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có.” Nay Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

181. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý Thức vô biên xứ tướng, không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Phi tướng phi tướng xứ tướng; tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Phi tướng phi tướng xứ. Vị ấy biết như sau: “Các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tướng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Phi tướng phi tướng xứ tướng. Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Thức vô biên xứ tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Phi tướng phi tướng xứ tướng.” Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có.” Nay Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

182. Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không tác ý Phi tướng phi tướng xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định;¹⁰ tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định.¹⁰ Vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên Phi tướng phi tướng xứ tướng không có mặt ở đây, và chỉ có một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Phi tướng phi tướng xứ tướng, và chỉ có một cái này, không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này.” Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có.” Nay

¹⁰ Định tâm quán (*Vipassanācittasamādhī*). Xem MA. IV. 153. Trạng thái định này cũng gọi là Vô tướng tâm định vì không có hiện tướng trạng nào cả (*animitta*).

Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

183. Lại nữa, này Ānanda, vị Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định;¹¹ tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định. Vị ấy tuệ tri như sau: “Vô tướng tâm định này thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên.¹² Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt”, vị ấy tuệ tri như vậy. Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết (*ñāṇa*) rằng đã được giải thoát. Vị ấy tuệ tri: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa.” Vị ấy tuệ tri: “Các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên hữu lậu không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây, và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có dục lậu.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có hữu lậu.” Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có vô minh lậu, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này.” Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: “Cái kia có, cái này có.” Này Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

184. Này Ānanda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ, sau khi chứng đạt, đã an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh (*suññatam*), tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này. Này Ānanda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, sau khi chứng đạt, sẽ an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều sẽ an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này. Này Ānanda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, sau khi chứng đạt và an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này. Do vậy, này Ānanda, sau khi chứng đạt, Ta đã an trú Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh. Như vậy, này Ānanda, các ông cần phải học tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

¹¹ MA. IV. 154 giải thích rằng vô tướng (*animitta*) được đề cập lại nữa để chỉ cho *vipassanāya pativipassanam*, tức là quán nhờ vào trí tuệ hay sự soi chiếu trở lại bản tâm.

¹² M. I. 350; III. 244; S. II. 65; A. V. 343.